TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-01-2020
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị L**, sinh năm 1991;
ĐKHKTT: thôn T, xã T, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988;
ĐKHKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
3. Người làm chứng: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1949;
Trú quán: thôn Đ, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.
Chị L có mặt; anh T, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Lý Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 25/12/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh T chuyển đến chung sống cùng bố mẹ đẻ chị, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Từ tháng 7/2017, anh T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm

gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất cứ ý kiến nào bằng văn bản gửi cho Tòa án. Kết quả làm việc với bà Phạm Thị Đ (mẹ đẻ anh T) xác định: Anh T, chị L kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định, sau khi kết hôn, vợ chồng về ở cùng bố mẹ chị L. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng một đến hai năm trở lại đây, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, đã nhiều lần anh T yêu cầu chị L về quê chồng sinh sống nhưng chị L không nghe. Do phải sống ở rể nên vợ chồng có nhiều ức chế, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhiều lần chị L làm đơn xin ly hôn anh T, nhưng được hai bên gia đình hoà giải, động viên nên anh chị ấy lại tiếp tục hàn gắn. Thời gian gần đây, anh T về quê sinh sống và đi làm, qua trao đổi với vợ chồng bà, anh T trình bày vợ chồng không thể chung sống được với nhau. Khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, bà đã trực tiếp thông báo cho anh T biết, anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí, tuy nhiên do công việc bận nên anh T không xuống Toà án làm việc. Do anh T trao đổi việc tình cảm vợ chồng anh chị ấy, do anh chị ấy tự giải quyết, vì vậy, vợ chồng bà không can thiệp, không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án để giao lại cho anh T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã Đ và các đoàn thể và chính quyền thôn Độ Trung đều được cung cấp: Anh T, chị L được tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, vợ chồng không ở địa phương mà chuyển về quê chị L sinh sống nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không, địa phương không nắm được. Thời gian gần đây, thấy anh T thỉnh thoảng về địa phương sinh sống cùng bố mẹ đẻ và đi làm, còn anh T làm gì, ở đâu, địa phương không nắm được, hiện anh T vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã Đ. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Xuân T không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh.

Tại phiên toà, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án

phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T; Vợ chồng không có con chung nên Toà án không phải giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân T được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ ngày 25/12/2015 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, chị L, anh T về sinh sống tại gia đình chị L được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn kinh tế gia đình. Theo chị L trình bày, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của bà Phạm Thị Đ, phù hợp với biên bản xác minh với chính quyền xã Đ xác định: Thời gian một hai năm trở lại đây, anh T về nhà bố mẹ đẻ ở và đi làm tự do, chị L không về ở cùng anh T, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định anh T hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, hiện đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng có về nhà khi có công việc rồi lại đi. Chị L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã Đ xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh T đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị L biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự, được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị L trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, anh T cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án niêm yết, chị Toan vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Toà án không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005292 ngày 18/10/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;